

# MÔ HÌNH HỌC TẬP COIL VÀ HÀM Ý ĐỐI VỚI QUỐC TẾ HÓA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM

## THE COIL MODEL IN JAPAN AND ITS IMPLICATIONS FOR THE INTERNATIONALIZATION OF HIGHER EDUCATION IN VIETNAM

Dư Thoại Tú\*

*Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam<sup>1</sup>*

\*Tác giả liên hệ / Corresponding author: dttu@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 08/7/2025; Sửa bài / Revised: 19/7/2025; Chấp nhận đăng / Accepted: 11/8/2025)

DOI: 10.31130/ud-jst.2025.23(8C).456

**Tóm tắt** - Nghiên cứu đã phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn triển khai mô hình Học tập Trục tuyến Hợp tác Quốc tế (COIL) tại Nhật Bản và Việt Nam, đánh giá tiềm năng của COIL trong thúc đẩy quốc tế hóa giáo dục đại học. Qua phân tích tài liệu và thực tiễn điển hình từ Nhật Bản – nơi COIL được hỗ trợ đồng bộ, nghiên cứu cho thấy COIL không chỉ nâng cao năng lực liên văn hóa và hợp tác quốc tế, mà còn góp phần phân hiện đại hóa phương pháp giảng dạy và thúc đẩy thực hiện các mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG 4, SDG 10). Kết quả nghiên cứu cho thấy, COIL có thể trở thành trụ cột chiến lược trong quốc tế hóa giáo dục đại học Việt Nam nếu được triển khai theo hướng tiếp cận liên cấp và toàn hệ thống như tại Nhật Bản.

**Từ khóa** - Mô hình học tập COIL; thực tiễn COIL tại Nhật Bản; quốc tế hoá giáo dục đại học; năng lực liên văn hóa

### 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số diễn ra sâu rộng, thị trường lao động Việt Nam đang trải qua những biến động mạnh mẽ cả về cơ cấu, chất lượng lẫn yêu cầu kỹ năng. Quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động không chỉ mở ra cơ hội hình thành lực lượng lao động chất lượng cao mà còn đặt ra những thách thức cấp thiết đối với hệ thống giáo dục và đào tạo. Sự phát triển nhanh chóng của kinh tế số, kinh tế xanh và các công nghệ mới như tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI) đã và đang làm thay đổi căn bản cấu trúc lực lượng lao động hiện nay. Theo báo cáo của Tổ chức Lao động Quốc tế 2016, Trong vòng hai thập kỷ tới, khoảng 56% lực lượng lao động tại năm quốc gia Đông Nam Á bao gồm Việt Nam có nguy cơ cao bị thay thế bởi tự động hóa, đặc biệt ở các ngành thâm dụng lao động như may mặc, logistics và chế biến nông sản [1].

Trước những thay đổi mang tính cấu trúc đó, hệ thống giáo dục cần chủ động thích ứng bằng cách thúc đẩy các chương trình đào tạo và phương pháp đào tạo linh hoạt hơn, tập trung vào phát triển những năng lực mang tính nền tảng và khó bị thay thế bởi máy móc như: năng lực chuyển đổi nghề nghiệp, khả năng tư duy phản biện, làm việc nhóm, kỹ năng số và đổi mới sáng tạo. Trong hai thập kỷ gần đây, Việt Nam đã đạt được một số tiến bộ trong phát triển nguồn nhân lực. Chỉ số vốn nhân lực (HCI) Việt Nam đã tăng từ 0,66 năm 2010 lên 0,69 năm 2020, vượt mức trung bình của các quốc gia có thu nhập tương đương [2]. Đồng thời,

**Abstract** - This study investigates the theoretical underpinnings and practical implementation of the Collaborative Online International Learning (COIL) model in Japan and Vietnam, highlighting its potential to advance the internationalization of higher education in Vietnam. Through a review of relevant literature and analysis of practices from Japan-where COIL is supported by a robust ecosystem-the study reveals that COIL enhances learners' intercultural competence and international collaboration skills. Moreover, it contributes to the modernization of teaching methods and supports progress toward Sustainable Development Goals (SDG 4 and SDG 10). The findings suggest that COIL could become a strategic pillar in Vietnam's higher education internationalization if supported by multi-level coordination and a system-wide approach.

**Key words** - COIL model, COIL practice in Japan, Internationalization of higher education, Intercultural competence

chi số phát triển con người (HDI) đạt mức 0,704 vào năm 2019, đưa Việt Nam vào nhóm các quốc gia có tốc độ cải thiện HDI nhanh nhất giai đoạn 1990–2019 [3].

So với các quốc gia trong khu vực, chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam vẫn còn khoảng cách đáng kể. Trong năm 2020, Việt Nam xếp thứ 11 trên 12 quốc gia châu Á về chất lượng nguồn nhân lực; năng suất lao động của Việt Nam chỉ bằng 1/26 của Singapore, 1/7 của Malaysia, 1/4 của Trung Quốc và 1/3 của Thái Lan [2]. Những số liệu trên không chỉ phản ánh những hạn chế trong hệ thống giáo dục – đào tạo, mà còn cho thấy yêu cầu cấp thiết phải đổi mới phương thức đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo định hướng chuẩn quốc tế.

Một trong những giải pháp chiến lược để thực hiện mục tiêu này là thúc đẩy quốc tế hóa tại chỗ thông qua các mô hình học tập sáng tạo, trong đó nổi bật là mô hình COIL (Collaborative Online International Learning – Học tập hợp tác quốc tế trực tuyến). Mô hình COIL không chỉ mở rộng không gian học tập xuyên biên giới nhờ vào nền tảng công nghệ số, mà còn góp phần phát triển các năng lực cốt lõi của thế kỷ 21 như tư duy phản biện, giao tiếp liên văn hóa, làm việc nhóm trong môi trường số và năng lực số.

Tuy nhiên, tại Việt Nam, việc triển khai COIL còn tương đối mới mẻ, và số lượng các nghiên cứu chuyên sâu về thực tiễn ứng dụng mô hình này và đánh giá hiệu quả vẫn còn hạn chế. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung tiếp cận COIL như một công cụ đổi mới sư phạm gắn với chiến lược quốc tế hóa giáo dục, tiến hành phân tích mô hình triển khai

<sup>1</sup> The University of Danang - University of Foreign Language Studies, Vietnam (Du Thoại Tú)

COIL, từ đó đề xuất một số giải pháp khả thi nhằm tích hợp mô hình này vào chương trình đào tạo đại học trong nước một cách hiệu quả và bền vững.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết vận dụng phương pháp nghiên cứu định tính nhằm phân tích và làm rõ khái niệm, đặc điểm, thực tiễn triển khai và hàm ý của mô hình học tập COIL trong bối cảnh quốc tế hóa giáo dục đại học. Cụ thể, nghiên cứu tiến hành phân tích tài liệu thứ cấp và nghiên cứu điển hình. Dữ liệu được thu thập từ các nguồn học thuật quốc tế và trong nước có liên quan đến xu thế quốc tế hóa giáo dục đại học, lý thuyết và thực hành mô hình COIL, cũng như các báo cáo và tài liệu tổng kết từ các dự án COIL thí điểm tại Nhật Bản và Việt Nam.

Phần nghiên cứu điển hình tập trung phân tích nội dung và phương thức triển khai các mô hình COIL đã được áp dụng tại một số cơ sở giáo dục đại học tiêu biểu ở Nhật Bản – nơi COIL được xem là một công cụ chiến lược thúc đẩy quốc tế hóa tại chỗ. Thông qua đó, bài viết rút ra một số bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo, làm cơ sở cho việc đề xuất hàm ý chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn của giáo dục đại học Việt Nam.

## 3. Cơ sở lý thuyết

### 3.1. Xu hướng quốc tế hóa giáo dục đại học

Trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu rộng, quốc tế hóa giáo dục đại học đã trở thành một xu hướng phát triển tất yếu trên phạm vi toàn cầu. Tại Việt Nam, quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học giai đoạn 2001–2020 vẫn đang ở giai đoạn đầu, với nhiều thách thức về chính sách, nguồn lực và năng lực thực thi. Tuy nhiên, những kết quả bước đầu cho thấy quốc tế hóa đã mang lại một số tác động tích cực, góp phần thúc đẩy cải cách và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục đại học. Quốc tế hóa mang lại nhiều lợi ích cho các cơ sở giáo dục đại học như nâng cao năng lực toàn cầu và liên văn hóa cho sinh viên, giảng viên, cải thiện chất lượng giảng dạy, và tăng uy tín học thuật.

Nghiên cứu của N.T. H. Trang [4] cho thấy, quốc tế hóa giáo dục đại học tại Việt Nam không chỉ góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục chất lượng cao cho sinh viên trong nước mà còn tạo điều kiện thuận lợi để thu hút sinh viên quốc tế, phát triển các chương trình đào tạo liên kết, thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và nâng cao năng lực xuất bản quốc tế. Những yếu tố này đã giúp giáo dục đại học Việt Nam từng bước hội nhập vào cộng đồng học thuật toàn cầu, gia tăng mức độ hiện diện và uy tín trong các mạng lưới hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, tác giả cũng chỉ ra rằng tiến trình quốc tế hóa giáo dục đại học tại Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều rào cản đáng kể như: sự thiếu đồng bộ trong hệ thống chính sách và quản lý; chênh lệch giữa mục tiêu chiến lược và khả năng thực thi; hạn chế về năng lực ngoại ngữ, tài chính và công nghệ của đội ngũ giảng viên và sinh viên; thiếu cơ chế đảm bảo chất lượng cho các chương trình hợp tác xuyên biên giới; cũng như sự khác biệt đáng kể về năng lực giữa các cơ sở giáo dục trong nước và các đối tác quốc tế.

Dù vậy, trong bối cảnh toàn cầu hóa giáo dục và nhu cầu cấp bách về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ hội nhập quốc tế, quốc tế hóa giáo dục đại học được xác định là một định hướng chiến lược tất yếu và có ý nghĩa lâu

dài đối với sự phát triển bền vững của giáo dục Việt Nam.

### 3.2. Mô hình học tập COIL

Mô hình học tập COIL là một mô hình giáo dục tiên tiến được thiết kế nhằm thúc đẩy quốc tế hóa chương trình đào tạo thông qua các hoạt động học tập hợp tác giữa sinh viên và giảng viên đến từ các quốc gia khác nhau. Thuật ngữ COIL (Collaborative Online International Learning) được đặt ra vào năm 2006 để mô tả hình thức liên kết giữa các trường đại học trên toàn cầu [5]. Theo định nghĩa của Hackett và cộng sự [6], COIL là một phương pháp giảng dạy và học tập bền vững, toàn diện, trong đó các giảng viên từ hai hoặc nhiều cơ sở giáo dục đại học phối hợp thiết kế, triển khai và đồng hướng dẫn các hoạt động học tập trực tuyến xuyên quốc gia. Mục tiêu của COIL là phát triển kỹ năng hợp tác học thuật, năng lực giao tiếp liên văn hóa và kiến thức chuyên môn cho người học thông qua trải nghiệm tương tác toàn cầu, mà không yêu cầu di chuyển vật lý như các chương trình trao đổi truyền thống.

Nghiên cứu của Grover và cộng sự [7] khẳng định rằng COIL không chỉ giúp nâng cao chất lượng đào tạo gắn với Mục tiêu phát triển bền vững SDG 4 – Đảm bảo giáo dục chất lượng, mà còn góp phần thu hẹp khoảng cách bất bình đẳng trong tiếp cận giáo dục toàn cầu SDG 10 – Giảm bất bình đẳng. Đồng thời, nghiên cứu cũng nhấn mạnh vai trò của COIL trong việc xây dựng năng lực sự phạm cho giảng viên, khuyến khích thiết kế các học phần sáng tạo và thúc đẩy tương tác sinh viên xuyên văn hóa. Những gợi mở này đặt nền tảng quan trọng cho việc lồng ghép COIL vào chương trình chính khóa tại các trường đại học, đồng thời cung cấp định hướng cho các nhà hoạch định chính sách trong xây dựng chiến lược quốc tế hóa giáo dục bền vững.

Xét về bản chất học thuật và phương pháp luận, mô hình COIL được xem là hình thức học tập mang tính liên ngành, tích hợp sâu sắc giữa yếu tố công nghệ và toàn cầu hóa giáo dục. Bốn đặc điểm cốt lõi của COIL bao gồm: (1) tính quốc tế, (2) hình thức trực tuyến, (3) hợp tác học thuật, và (4) khả năng tích hợp vào chương trình giảng dạy chính quy [8].

*Trước hết*, tính quốc tế là yếu tố trung tâm trong các hoạt động COIL. Sinh viên tham gia đến từ nhiều quốc gia và nền văn hóa khác nhau, qua đó hình thành môi trường học tập đa văn hóa, nơi người học được tiếp cận các quan điểm đa chiều và phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa – một kỹ năng thiết yếu trong thế kỷ 21.

*Thứ hai*, toàn bộ quá trình học tập COIL diễn ra trên nền tảng trực tuyến, sử dụng các công cụ số như Zoom, Google Meet hoặc hệ thống quản lý học tập (LMS), góp phần khắc phục rào cản địa lý và chi phí, đặc biệt phù hợp với bối cảnh hậu đại dịch và sự chuyển đổi mạnh mẽ sang giáo dục số.

*Thứ ba*, COIL nhấn mạnh tính hợp tác học thuật, nơi sinh viên từ các cơ sở đào tạo khác nhau cùng tham gia thảo luận, làm việc nhóm và xây dựng các sản phẩm học thuật như bài thuyết trình, nghiên cứu liên kết hoặc video phản biện. Quá trình này không chỉ nâng cao kỹ năng tư duy phản biện và giải quyết vấn đề, mà còn giúp sinh viên rèn luyện năng lực hợp tác trong môi trường quốc tế.

*Cuối cùng*, các hoạt động COIL được tích hợp trực tiếp vào chương trình đào tạo chính quy, thông qua sự phối hợp thiết kế và giảng dạy giữa các giảng viên đôi tác, đảm bảo

tính học thuật, tính đánh giá chuẩn hóa và khả năng công nhận kết quả học tập.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định rằng COIL không chỉ là một mô hình đổi mới sư phạm phù hợp với xu thế giáo dục đại học hiện đại, mà còn là một chiến lược hiệu quả để thực hiện quốc tế hóa tại chỗ. Đặc biệt, trong bối cảnh giáo dục Việt Nam đang hướng đến phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng thích ứng và hội nhập quốc tế, việc ứng dụng và mở rộng mô hình COIL là hướng đi tiềm năng cần được quan tâm trong cả chính sách và thực tiễn triển khai.

### 3.3. Giá trị và hiệu quả sư phạm của COIL

Mô hình học tập COIL không chỉ dừng lại ở vai trò một công cụ giảng dạy trực tuyến, mà còn được định vị như một chiến lược giáo dục toàn diện nhằm thực hiện mục tiêu quốc tế hóa giáo dục đại học theo hướng "quốc tế hóa tại chỗ" [7]. Những giá trị sư phạm nổi bật của COIL có thể được phân tích trên các khía cạnh sau:

*Thứ nhất*, COIL đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực liên văn hóa cho người học. Đây là một trong những năng lực thiết yếu để hình thành công dân toàn cầu trong bối cảnh toàn cầu hóa sâu rộng. Khi tham gia vào các lớp học COIL, sinh viên có cơ hội trực tiếp làm việc và tương tác với bạn học đến từ nhiều quốc gia và nền văn hóa khác nhau. Quá trình này giúp người học phát triển khả năng thấu hiểu sự đa dạng văn hóa, điều chỉnh hành vi giao tiếp phù hợp với bối cảnh đa văn hóa và nâng cao năng lực thích ứng trong môi trường quốc tế. Đặc biệt, đối với sinh viên Việt Nam – những người ít có cơ hội tiếp xúc với môi trường học tập quốc tế – COIL trở thành một cầu nối quan trọng giúp mở rộng tầm nhìn và khơi dậy ý thức hội nhập toàn cầu.

*Thứ hai*, COIL góp phần nâng cao kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm xuyên quốc gia – những năng lực đang ngày càng trở nên thiết yếu trong thị trường lao động toàn cầu hóa. Việc cùng hợp tác thực hiện các nhiệm vụ học thuật như thuyết trình, nghiên cứu, giải quyết vấn đề với sinh viên quốc tế đòi hỏi người học vận dụng linh hoạt các hình thức giao tiếp bằng ngoại ngữ, đồng thời rèn luyện kỹ năng giải quyết xung đột, phân chia vai trò, và phối hợp hiệu quả trong nhóm làm việc đa văn hóa, đa ngôn ngữ.

*Thứ ba*, COIL khuyến khích sinh viên chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập và chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai. Trong các lớp học theo mô hình COIL, sinh viên được tiếp xúc với nhiều công cụ số hiện đại như Zoom, Google Meet, MS Teams để họp nhóm; Google Docs để cộng tác trực tuyến; Canva, Prezi, CapCut để thiết kế và trình bày nội dung... Qua đó người học không chỉ làm chủ công cụ học tập số mà còn hình thành các năng lực nghề nghiệp quan trọng như làm việc từ xa, tổ chức dữ liệu, truyền đạt thông tin trực quan và hợp tác trên nền tảng kỹ thuật số.

*Thứ tư*, COIL tạo môi trường học tập mang tính đối thoại, đa quan điểm và giàu tính phản biện. Khi làm việc với sinh viên từ các nền văn hóa khác nhau, người học không chỉ được tiếp nhận nhiều góc nhìn đa chiều mà còn phải đối chiếu, phân tích và đánh giá lập luận từ bối cảnh quốc tế.

*Thứ năm*, COIL mang lại giá trị xã hội rõ nét khi tạo điều kiện tiếp cận trải nghiệm học tập quốc tế cho sinh viên không có điều kiện tài chính để du học. Mô hình này góp phần hiện thực hóa chiến lược quốc tế hóa tại chỗ, từ đó

thu hẹp khoảng cách tiếp cận giáo dục chất lượng giữa các nhóm sinh viên, thúc đẩy công bằng và bình đẳng giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Nghiên cứu thực nghiệm của Hackett, Janssen và Beach [9] là một minh chứng điển hình cho hiệu quả thực tiễn của COIL trong việc nâng cao năng lực giao tiếp liên văn hóa của sinh viên. Nghiên cứu so sánh hai nhóm sinh viên: nhóm tham gia chương trình COIL và nhóm đối chứng không tham gia, được thực hiện tại Mỹ và Hà Lan. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhóm sinh viên Mỹ tham gia COIL có sự cải thiện rõ rệt về năng lực giao tiếp liên văn hóa, cụ thể cải thiện đáng kể ở ba yếu tố: (1) nhận thức văn hóa, (2) động lực tham gia giao tiếp liên văn hóa, và (3) hành vi thích ứng trong bối cảnh đa văn hóa. Ngược lại, ở nhóm sinh viên Hà Lan – những người đã quen với môi trường quốc tế hóa cao – sự khác biệt giữa nhóm tham gia và nhóm đối chứng không quá rõ nét. Điều này cho thấy rằng hiệu quả của COIL đặc biệt nổi bật trong những môi trường giáo dục ít có cơ hội tiếp cận quốc tế, như trường hợp của nhiều cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam.

Nghiên cứu của Romero-Rodríguez và cộng sự [10] đã chỉ ra rằng COIL mang lại những lợi ích thiết thực trong đổi mới phương pháp giảng dạy và tăng cường phát triển năng lực sáng tạo cho sinh viên đại học trong lĩnh vực giáo dục và khởi nghiệp. Thông qua thiết kế bán thực nghiệm với 57 sinh viên Tây Ban Nha và Mexico tham gia dự án microlearning kéo dài ba tuần, nghiên cứu đã làm rõ vai trò của COIL là mô hình học tập xuyên quốc gia, vượt qua giới hạn không gian vật lý và xây dựng môi trường lấy người học làm trung tâm. Các trải nghiệm học tập liên văn hóa trong COIL không chỉ thúc đẩy sự chủ động và sáng tạo mà còn góp phần phát triển toàn diện năng lực cá nhân – xã hội, như tư duy sáng tạo, kỹ năng hợp tác và giao tiếp liên văn hóa.

## 4. Thực tiễn triển khai mô hình COIL

### 4.1. Tại Nhật Bản

Ngay từ đầu thập niên 2010, Nhật Bản đã thể hiện tầm nhìn chiến lược trong việc triển khai mô hình COIL. MEXT đã tài trợ nhiều chương trình như Inter-University Exchange Project (IUEP), COIL Plus Program. Trong các chương trình này, giảng viên từ Nhật Bản và quốc tế cùng phối hợp xây dựng đề cương học phần, xác định mục tiêu học tập, thiết kế hoạt động học tập và đánh giá đồng giảng (co-teaching, co-assessment). Những học phần COIL tại Nhật Bản thường được tích hợp vào các chương trình đào tạo chính quy, học kỳ trao đổi, hoặc thực tập từ xa – giúp sinh viên Nhật Bản tiếp cận trải nghiệm quốc tế mà không cần di chuyển ra nước ngoài.

Hiệp hội COIL Nhật Bản (JPN-COIL Association) được thành lập vào năm 2018 bởi 13 trường đại học hàng đầu trong khuôn khổ Dự án "Nâng cao năng lực toàn cầu" do Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ Nhật Bản (MEXT) tài trợ. Hiệp hội đóng vai trò là nền tảng kết nối chiến lược, nhằm lan tỏa và thúc đẩy mô hình học tập COIL trên toàn quốc. Các hoạt động chính của hiệp hội bao gồm: hỗ trợ kỹ thuật và học thuật cho các giảng viên; kết nối đối tác trong và ngoài nước; tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo chuyên đề; và phát triển các dự án COIL đa phương [11]

Trong vòng hơn 5 năm hoạt động, JPN-COIL đã hỗ trợ triển khai hơn 50 khóa học COIL tại các trường đại học tiêu

biểu như Đại học Ngoại ngữ Tokyo (TUFS), Đại học Kansai... Các chương trình được thiết kế linh hoạt, bao gồm học phần song phương, đa phương, đồng bộ hoặc không đồng bộ. Đồng thời, các sáng kiến như COIL Plus, Japan-Multilateral COIL/VE Project... đã góp phần tạo nền tảng cho quốc tế hóa giáo dục tại chỗ ở quy mô quốc gia.

Theo danh sách các dự án được Nhật Bản lựa chọn và hỗ trợ trong khuôn khổ chương trình trao đổi đại học Nhật-Mỹ do Hiệp hội Xúc tiến Khoa học Nhật Bản (Japan Society for the Promotion of Science, JSPS) [12] công bố năm 2023, có thể thấy rằng COIL đã trở thành công cụ chiến lược trong quốc tế hóa giáo dục đại học Nhật Bản, đặc biệt ở các trường đại học trọng điểm của Nhật Bản.

**Bảng 1.** Danh sách các dự án COIL tiêu biểu tại Nhật Bản

STT	Trường Đại học	Tên chương trình
1	ĐH Chiba	Chương trình COIL sử dụng trong hợp tác Nhật – Mỹ
2	ĐH Tokyo	Chương trình đào tạo kỹ sư toàn cầu trong lĩnh vực công nghệ tiên tiến sử dụng mô hình COIL Nhật – Mỹ
3	ĐH Ngoại ngữ Tokyo & Đại học Ochanomizu	Dự án COIL vượt Thái Bình Dương nhằm phát triển năng lực đồng cảm với chủ nghĩa đa nguyên và khả năng chống chịu xung đột
4	ĐH Nghệ thuật Tokyo	Hợp tác sáng tạo về nghệ thuật – truyền thông qua COIL trong chương trình đồng thiết kế game Nhật – Mỹ
5	ĐH Kagoshima	Chương trình hợp tác với Mỹ – từ Kagoshima đến Đông Nam Á trong bối cảnh đa văn hóa phức hợp
6	ĐH Ryukyuu	Phát triển lãnh đạo toàn cầu về văn hóa truyền thống và môi trường tại khu vực Thái Bình Dương qua COIL
7	ĐH Osaka Metropolitan	Đào tạo nhà đổi mới xã hội Nhật – Mỹ qua nền tảng COIL
8	ĐH Sophia, Đại học Nữ sinh Ochanomizu, Đại học Shizuoka	Dự án học tập phối hợp xuyên văn hóa về an ninh con người và đa dạng sinh học
9	ĐH Niigata	Chương trình “NU4-COIL 2” – giáo dục định hướng khu vực sử dụng COIL
10	ĐH Kansai	Chương trình COIL Plus – Phát triển năng lực toàn cầu và tư duy quốc tế

(nguồn: Japan Society for the Promotion of Science, 2023)

Các chương trình COIL được triển khai tại Nhật Bản trên cho thấy nhiều đặc điểm nổi bật phản ánh xu hướng quốc tế hóa giáo dục đại học tại quốc gia này.

*Trước hết*, các chương trình thể hiện tính đa dạng về chủ đề, vượt ra ngoài khuôn khổ giao lưu ngôn ngữ và văn hóa truyền thống. Nội dung COIL được tích hợp vào các lĩnh vực học thuật chuyên sâu như kỹ thuật công nghệ, đổi mới xã hội, nghệ thuật – truyền thông, môi trường, an ninh con người và đa dạng sinh học. Điều này cho thấy COIL không chỉ là một phương pháp dạy học mới, mà còn là một công cụ chiến lược để tiếp cận các vấn đề toàn cầu dưới góc nhìn liên ngành.

*Thứ hai*, các dự án COIL được thực hiện với sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều trường đại học, cả trong và ngoài nước. Một số chương trình là kết quả của sự hợp tác giữa ba trường đại học Nhật Bản hoặc giữa trường đại học Nhật với nhiều đối tác quốc tế, cho thấy mô hình đồng thiết kế, đồng giảng

đạy và đồng đánh giá đang được chú trọng phát triển.

*Thứ ba*, một đặc điểm đáng chú ý là sự kết nối giữa khu vực và toàn cầu, thể hiện qua các chương trình hợp tác Nhật – Mỹ mở rộng tới khu vực Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Thông qua đó, COIL không chỉ đóng vai trò là công cụ học tập, mà còn là nền tảng thúc đẩy ngoại giao học thuật và hợp tác khu vực.

*Cuối cùng*, nội dung và mục tiêu các dự án đều nhấn mạnh đến việc đào tạo nguồn nhân lực toàn cầu, với năng lực làm việc đa văn hóa, tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề trong môi trường quốc tế. Những đặc điểm này cho thấy COIL tại Nhật Bản đang phát triển theo hướng bài bản, mang tính chiến lược và có chiều sâu.

Nghiên cứu của Inada [13] đã kiểm tra thực nghiệm tính hiệu quả của mô hình hợp tác triển khai COIL giữa Canada và Nhật Bản với sự tham gia của 33 sinh viên. Phân tích dữ liệu định lượng cho thấy năm năng lực cốt lõi – gồm kiến thức chuyên môn, kỹ năng giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, hiểu biết liên văn hóa và kỹ năng làm việc nhóm – đều có sự cải thiện đáng kể sau khóa học. Trong đó, bốn năng lực đạt mức độ hiệu quả rõ rệt (effect size > 0.5), đặc biệt là năng lực "kiến thức" với hệ số hiệu quả cao nhất (0.95). Dữ liệu định tính thu thập từ phản hồi sinh viên đã bổ sung và làm rõ hơn kết quả định lượng, phản ánh sự phát triển về tư duy phản biện, kỹ năng giao tiếp số, khả năng thích ứng văn hóa và năng lực làm việc nhóm trong môi trường quốc tế. Sinh viên Canada thể hiện mức độ chủ động và tự tin cao hơn trong giao tiếp, trong khi sinh viên Nhật Bản lại cho thấy sự tiến bộ rõ rệt trong quá trình hợp tác xuyên văn hóa. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra một số thách thức, đặc biệt là khó khăn trong việc thiết lập quan hệ thân thiện và điều phối hoạt động nhóm, chủ yếu xuất phát từ tính chất học trực tuyến và sự khác biệt văn hóa giữa các bên tham gia.

#### 4.2. Tại Việt Nam

Tại Việt Nam, mô hình học tập COIL đã bước đầu được triển khai tại một số cơ sở giáo dục đại học với quy mô và hình thức đa dạng, phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển quốc tế của từng đơn vị. Mặc dù còn tương đối mới mẻ so với các quốc gia có hệ sinh thái COIL phát triển như Nhật Bản, nhưng các dự án thí điểm đã cho thấy tiềm năng mở rộng và khả năng thích ứng cao của mô hình này tại Việt Nam.

Một ví dụ tiêu biểu là dự án hợp tác giữa Trường Đại học RMIT Việt Nam và Đại học Khoa học Ứng dụng Amsterdam- Hà Lan [14], triển khai trong khuôn khổ học phần "Marketing Principles". Trong dự án này, sinh viên hai bên được chia nhóm làm việc xuyên quốc gia để thực hiện các nhiệm vụ như phỏng vấn đối tác, chia sẻ văn hóa cá nhân qua video, và thiết kế sản phẩm phù hợp với thị trường mục tiêu. Trải nghiệm COIL này không chỉ giúp sinh viên củng cố kiến thức chuyên ngành marketing, mà còn phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa, khả năng thích ứng và tư duy thiết kế sáng tạo – những yếu tố thiết yếu trong môi trường làm việc toàn cầu.

Một trường hợp khác là dự án COIL giữa Trường Đại học Hải Phòng và Đại học Ibaraki-Nhật Bản [15], tập trung vào chủ đề văn hóa ẩm thực và du lịch địa phương. Sinh viên Việt Nam đóng vai trò chủ động trong việc quay phim, dẫn dắt và giới thiệu các địa danh, món ăn đặc trưng thông

qua nền tảng trực tuyến. Thông qua hoạt động này, sinh viên không chỉ nâng cao hiểu biết về văn hóa địa phương mà còn rèn luyện các kỹ năng sản xuất nội dung số, kể chuyện đa văn hóa và giao tiếp số – những năng lực quan trọng trong lĩnh vực du lịch, truyền thông và giáo dục.

Mặc dù hiện nay chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá hiệu quả triển khai COIL tại Việt Nam, song những thực tiễn nêu trên đã cho thấy COIL đang dần thu hút sự quan tâm từ nhiều cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam, mở ra những tiềm năng đáng kể trong việc gia tăng cơ hội tiếp cận các trải nghiệm học tập quốc tế đa chiều cho sinh viên Việt Nam.

## 5. Kết luận

Trên cơ sở phân tích lý thuyết và khảo sát thực tiễn tại Nhật Bản và Việt Nam, nghiên cứu đã góp phần làm rõ cơ sở khoa học và ứng dụng thực tiễn của mô hình COIL. Kết quả cho thấy, mô hình học tập COIL là một giải pháp giáo dục hiệu quả và sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực liên văn hóa, thúc đẩy kỹ năng học tập hợp tác trong môi trường quốc tế, đồng thời đóng góp thiết thực vào việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc, đặc biệt là SDG 4 (giáo dục chất lượng) và SDG 10 (giảm bất bình đẳng). COIL không chỉ đóng vai trò như một công cụ thúc đẩy quốc tế hóa tại chỗ, mà còn là phương thức đổi mới phương pháp sư phạm, hiện đại hóa nội dung đào tạo, và tăng cường kết nối học thuật giữa các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế. Nhật Bản là một trong những quốc gia tiên phong trong triển khai COIL, với hệ sinh thái hỗ trợ toàn diện từ các tổ chức chuyên môn như JPN COIL Association, chính sách đầu tư có hệ thống của Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (MEXT), cùng sự tham gia chủ động của nhiều đại học trọng điểm như Đại học Tokyo, Kansai và Chiba. Trong khi đó, tại Việt Nam, việc triển khai COIL mới chỉ ở giai đoạn khởi đầu, chủ yếu thông qua các dự án hợp tác quốc tế đơn lẻ, chưa có sự đồng bộ về cơ chế chính sách, nguồn lực hay hạ tầng công nghệ.

Từ thực tiễn nêu trên, có thể khẳng định rằng việc triển khai COIL tại Việt Nam cần được định hướng như một chiến lược quốc tế hóa lâu dài trong giáo dục đại học. Để triển khai COIL một cách hiệu quả và bền vững, cần có sự phối hợp liên ngành và liên cấp – từ hoạch định chính sách quốc gia đến thực thi ở cấp cơ sở giáo dục và đơn vị chuyên môn. Một số hàm ý chính sách cụ thể được đề xuất như sau:

Ở cấp quốc gia, cần xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển các mô hình học tập kết nối xuyên biên giới, bao gồm khung pháp lý công nhận tín chỉ, cơ chế tài chính khuyến khích hợp tác quốc tế theo hướng số hóa.

Ở cấp cơ sở giáo dục đại học, cần lồng ghép COIL vào chiến lược quốc tế hóa và phù hợp với định hướng đào tạo của từng ngành đào tạo; ban hành quy định công nhận tín chỉ chính thức cho các học phần COIL; phân bổ hợp lý nguồn lực cho hạ tầng kỹ thuật và công cụ học tập, cũng như tổ chức các khóa bồi dưỡng năng lực thiết kế nội dung xuyên văn hóa và quản lý lớp học quốc tế cho giảng viên.

Ở cấp đơn vị chuyên môn như khoa, bộ môn, cần chủ động tích hợp COIL vào các chương trình hợp tác quốc tế hiện có nhằm tận dụng hiệu quả mạng lưới đối tác và mở rộng cơ hội học tập đa văn hóa cho sinh viên; thiết kế các học phần tích hợp COIL phù hợp với chuẩn đầu ra kỹ năng của từng học phần.

Tóm lại, việc triển khai COIL tại Việt Nam cần được định hướng như một chiến lược quốc tế hóa lâu dài, đòi hỏi sự phối hợp giữa chính sách cấp quốc gia, cam kết của cơ sở đào tạo, và năng lực đổi mới của đội ngũ giảng viên. Kinh nghiệm từ Nhật Bản cho thấy rằng, với cách tiếp cận bài bản và hỗ trợ chính sách phù hợp, COIL hoàn toàn có thể trở thành một trụ cột quan trọng của giáo dục đại học Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] J.-H. Chang, G. Rynhart, and P. Huynh, “ASEAN in transformation: How technology is changing jobs and enterprises”, *www.ilo.org*. 2016. [Online]. Available: <https://www.ilo.org/meetings-and-events/asean-transformation-how-technology-changing-jobs-and-enterprises>. [Accessed: Jul. 6, 2025].
- [2] World Bank, “The Human Capital Index 2020 Update: Human Capital in the Time of COVID-19”, *worldbank.org*. 2020. [Online]. Available: <https://openknowledge.worldbank.org/entities/publication/93f8fbc6-4513-58e7-82ec-af4636380319>. [Accessed: Jul. 6, 2025].
- [3] United Nations Development Programme, “Viet Nam breaks into high human development category group: UNDP new report”, *undp.org*, December 16, 2020. [Online]. Available: <https://www.undp.org/vietnam/press-releases/viet-nam-breaks-high-human-development-category-group-undp-new-report> [Accessed: Aug 05, 2025].
- [4] N.T. H. Trang, “*Internationalization of Higher Education in Vietnam 2001–2020*”, Ph.D. dissertation, Univ. of Social Sciences and Humanities, Vietnam National Univ., Hanoi, Vietnam, 2022.
- [5] J. Rubin, “Embedding collaborative online international learning (COIL) at higher education institutions”, *Internationalisation of Higher Education*, vol. 2, pp. 27–44, 2017.
- [6] S. Hackett, M. Dawson, J. Janssen, and P. Beach, “Defining Collaborative Online International Learning (COIL) and distinguishing it from Virtual Exchange”, *TechTrends*, vol. 68, pp. 1078–1094, 2024.
- [7] P. Grover, N. Phutela, and M. Yadav, “Role of faculty in collaborative online international learning (COIL) – a pedagogical tool for Internationalization at Home (IaH)”, *Journal of Applied Research in Higher Education*, vol. 17, no. 1, pp. 469–482, 2025
- [8] Y. A. Gallego and S. E. S. Bruzzese, “Collaborative International Online Learning (COIL): An opportunity for comprehensive and intercultural learning”, *Encouraging Transnational Learning Through Virtual Exchange in Global Teacher Education*, pp. 259–278, 2024. DOI: 10.4018/978-1-6684-7813-4.ch012.
- [9] S. Hackett, J. Janssen, and P. Beach, “The effectiveness of Collaborative Online International Learning (COIL) on intercultural competence development in higher education”, *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, vol. 20, no. 5, 2023. <https://doi.org/10.1186/s41239-023-00407-7>
- [10] J.M. Romero-Rodríguez, M.S. Ramírez-Montoya, L.D. Glasserman-Morales, and M. R. Navas-Parejo, “Collaborative online international learning between Spain and Mexico: A microlearning experience to enhance creativity in complexity”, *Education + Training*, vol. 65, no. 2, 2022. <https://doi.org/10.1108/ET-07-2022-0259>
- [11] Japan COIL Association, “Advanced COIL Programs – JPN COIL Association”, Kansai University Institute for Innovative Global Education (IIGE). [www.kansai-u.ac.jp](http://www.kansai-u.ac.jp) [Online]. Available: <https://www.kansai-u.ac.jp/Kokusai/IIGE/COILPlus/> [Accessed: Jul. 6, 2025].
- [12] Japan Society for the Promotion of Science, “List of Projects Subject to Ex-post Evaluation for FY2023”, [www.jsps.go.jp](http://www.jsps.go.jp), 2023. [Online]. Available: [https://www.jsps.go.jp/file/storage/j-tenkairyoku/meeting\\_materials/r4\\_pg03\\_4-1.pdf](https://www.jsps.go.jp/file/storage/j-tenkairyoku/meeting_materials/r4_pg03_4-1.pdf) [Accessed: Jul. 8, 2025].
- [13] Y. Inada, “Collaborative Online International Learning Classes to Enhance Co-Creation in Canada and Japan”, *Journal of Education and Learning*, vol. 11, no. 4, 2022.
- [14] RMIT University Vietnam, “COIL Project fosters global learning at RMIT Vietnam”, [www.rmit.edu.vn](http://www.rmit.edu.vn), April 10, 2017. [Online]. Available: <https://www.rmit.edu.vn/news/all-news/2017/apr/coil-project-fosters-global-learning-at-rmit-vietnam> [Accessed: Aug. 5, 2025].
- [15] Ibaraki University Center for Global Education, “Introduction of restaurants in Ibaraki and Hai Phong City”, [cge.lae.ibaraki.ac.jp](http://cge.lae.ibaraki.ac.jp), 2024. [Online]. Available: <https://cge.lae.ibaraki.ac.jp/en/project/project-en2024.html> [Accessed: Aug. 5, 2025].